

Số: **13** /2015/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày **20** tháng **3** năm 2015

THÔNG TƯ

Quy định chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho 05 nghề: Sản xuất cáp điện và thiết bị đầu nối; Sản xuất sản phẩm kính thủy tinh; Quan hệ công chúng; Kế toán ngân hàng; Sản xuất hàng da, giày

Căn cứ Luật Dạy nghề ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 06 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy định về chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Dạy nghề,

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho 05 nghề: Sản xuất cáp điện và thiết bị đầu nối; Sản xuất sản phẩm kính thủy tinh; Quan hệ công chúng; Kế toán ngân hàng; Sản xuất hàng da, giày như sau:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho 05 nghề: Sản xuất cáp điện và thiết bị đầu nối; Sản xuất sản phẩm kính thủy tinh; Quan hệ công chúng; Kế toán ngân hàng; Sản xuất hàng da, giày để áp dụng đối với các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp công lập và tư thục có đăng ký hoạt động dạy nghề các nghề trên (sau đây gọi chung là cơ sở dạy nghề) nhưng không bắt buộc áp dụng đối với cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài.

1. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Sản xuất cáp điện và thiết bị đầu nối” được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Sản xuất sản phẩm kính thủy tinh” được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Quan hệ công chúng” được quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Kế toán ngân hàng” được quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Sản xuất hàng da, giấy” được quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Căn cứ quy định tại Thông tư này, hiệu trưởng các trường có đăng ký hoạt động dạy nghề các nghề trên tổ chức xây dựng, thẩm định, duyệt chương trình dạy nghề của trường.

Điều 3. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2015.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức Chính trị - Xã hội và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục Dạy nghề, các cơ sở dạy nghề có đăng ký hoạt động dạy nghề trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề cho 05 nghề được quy định tại Thông tư này và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các UB của QH;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở LĐTĐ các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ LĐTĐ;
- Lưu VT, TCDN (20 b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thanh Hòa

Phụ lục 01

**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ,
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ CHO NGHỀ
SẢN XUẤT CẤP ĐIỆN VÀ THIẾT BỊ ĐẦU NỔI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 13 /2015/TT-BLĐTBXH

3 /2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)



A - CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: Sản xuất cấp điện và thiết bị đầu nổi

Mã nghề: 40510524

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;
(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa Trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 33

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Trình bày được các biện pháp bảo hộ lao động, an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp;

+ Trình bày được nguyên lý hoạt động của máy kéo sợi đồng/nhôm;

+ Trình bày được nguyên lý hoạt động của máy xoắn cấp điện;

+ Trình bày được nguyên lý hoạt động của máy bọc cấp điện;

+ Trình bày được các phương pháp ủ mềm dây đồng;

+ Trình bày được phương pháp chọn khuôn kéo sợi đồng/nhôm;

+ Trình bày được nguyên lý làm việc của thiết bị thu dây đồng/nhôm;

+ Trình bày được phương pháp sản xuất các chi tiết của thiết bị đầu nổi;

+ Trình bày được phương pháp đo các đại lượng như: Kích thước, lực kéo, cách điện, điện trở, trọng lượng... sử dụng dụng cụ đo cầm tay và thiết bị đo chuyên dùng.

- Kỹ năng:

+ Thực hiện tốt công tác bảo hộ, an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp;

+ Vận hành được máy kéo sợi đồng/nhôm;

+ Vận hành được máy xoắn cấp điện;

- + Vận hành được máy bọc cáp điện;
- + Vận hành được thiết bị ủ dây đồng;
- + Lắp đặt được khuôn kéo sợi đồng/nhôm;
- + Sử dụng được thiết bị thu dây đồng/nhôm;
- + Vận hành được máy dập chế tạo các chi tiết của thiết bị đầu nối;
- + Vận hành được máy đúc áp lực chế tạo các chi tiết của thiết bị đầu nối;
- + Sử dụng thành thạo các dụng cụ đo cầm tay và máy đo chuyên dùng của nghề sản xuất cáp điện và thiết bị đầu nối;
- + Dự đoán các hỏng hóc, lỗi thường gặp trong quá trình sản xuất cáp điện và thiết bị đầu nối;
- + Ứng dụng tin học văn phòng, phần mềm chuyên ngành vào hoạt động sản xuất cáp điện và thiết bị đầu nối.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

- + Có kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về mục tiêu và đường lối cách mạng của Đảng và Nhà nước;
- + Có kiến thức về quyền, nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân;
- + Có ý thức nghề nghiệp, kiến thức cộng đồng và tác phong làm việc công nghiệp; có lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc;
- + Có trách nhiệm, thái độ ứng xử tốt, giải quyết các vấn đề về nghiệp vụ một cách hợp lý;
- + Thể hiện ý thức tích cực học tập rèn luyện để không ngừng nâng cao trình độ, đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu của sản xuất;
- + Có hiểu biết về phòng ngừa, đấu tranh chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

- Thể chất, quốc phòng:

- + Có kiến thức, kỹ năng về thể dục, thể thao cần thiết;
- + Phương pháp tập luyện nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực để học tập và lao động sản xuất;
- + Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quốc phòng và An ninh, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

Học sinh tốt nghiệp trình độ Trung cấp nghề Sản xuất cáp điện và thiết bị đầu nối sẽ làm:

+ Công nhân sản xuất trong các công ty sản xuất cáp điện, công ty sản xuất thiết bị đầu nối;

+ Nhân viên phụ trách vật tư trong các công ty sản xuất cáp điện, công ty sản xuất thiết bị đầu nối;

+ Nhân viên kinh doanh ngành cáp điện và thiết bị đầu nối.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian khoá học: 2 năm

- Thời gian học tập: 90 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 180 giờ
(Trong đó thi tốt nghiệp: 30 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 1860 giờ; Thời gian học tự chọn: 480 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 616 giờ; Thời gian học thực hành: 1724 giờ

(trong đó 222 giờ kiểm tra)

3. Thời gian học văn hoá Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1020 giờ

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo trong chương trình khung giáo dục Trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên mô đun, môn học	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<i>I</i>	<i>Các môn học chung</i>	210	107	86	17
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	11	3	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3

Mã MH, MĐ	Tên mô đun, môn học	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
<i>II</i>	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề</i>	1860	492	1192	176
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	525	268	213	44
MH 07	Cơ ứng dụng	60	52	4	4
MH 08	Vật liệu cơ khí	45	38	4	3
MH 09	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	45	38	4	3
MH 10	Vật liệu điện	45	38	4	3
MH 11	Kỹ thuật an toàn lao động	60	48	8	4
MĐ 12	Vẽ kỹ thuật	60	12	42	6
MĐ 13	Kỹ thuật điện	60	12	42	6
MĐ 14	Điện tử cơ bản	60	12	42	6
MĐ 15	Điện cơ bản	90	18	63	9
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1335	224	979	132
MH 16	Anh văn chuyên ngành	45	38	4	3
MĐ 17	Gia công nguội cơ bản	60	12	42	6
MĐ 18	Bảo trì và sửa chữa thiết bị cơ khí	90	18	63	9
MĐ 19	Điều khiển lập trình PLC	60	12	42	6
MĐ 20	Kỹ thuật kéo sợi đồng/nhôm	120	24	84	12
MĐ 21	Kỹ thuật xoắn cáp điện	120	24	84	12
MĐ 22	Kỹ thuật bọc cáp điện	120	24	84	12
MĐ 23	Máy điện	90	18	63	9
MĐ 24	Trang bị điện	90	18	63	9
MĐ 25	Kỹ thuật đúc áp lực đồng/nhôm	90	18	63	9
MĐ 26	Kỹ thuật dập kim loại	90	18	63	9
MĐ 27	Thực tập tốt nghiệp	360	0	324	36
	Tổng cộng	2070	599	1278	193

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bố thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên mô đun, môn học	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 28	Hệ thống truyền dẫn thủy lực, khí nén	120	24	84	12
MĐ 29	Khí cụ điện	60	12	42	6
MĐ 30	Kỹ thuật cơ khí cơ bản	90	18	63	9
MĐ 31	Kỹ thuật đo lường điện	60	12	42	6
MĐ 32	Kỹ thuật cán đồng/nhôm	90	18	63	9
MH 33	Truyền động điện	60	40	16	4
MH 34	Đúc kim loại	60	29	27	4
MĐ 35	Kỹ thuật số	60	12	42	6
MĐ 36	Kỹ thuật cảm biến	60	12	42	6
MĐ 37	Điện tử công suất	60	12	15	3

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Các cơ sở dạy nghề có thể sử dụng chương trình các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được giới thiệu ở trên hoặc tự xây dựng mới những chương trình để nội dung phù hợp với đặc điểm vùng miền.

- Khi xây dựng các môn học và mô đun tự chọn cần lưu ý: Tỷ lệ thời gian giữa lý thuyết và thực hành đảm bảo theo quy định (Lý thuyết chiếm từ 15% đến 30%; Thực hành chiếm từ 70% đến 85%).

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng, thiết kế các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc

lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn ở trên phải đảm bảo thời gian học tối thiểu của phần tự chọn là 360 giờ.

- Ví dụ: Bảng dưới đây là một phương án chọn chương trình môn học, mô đun đào tạo tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên mô đun, môn học	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 28	Hệ thống truyền dẫn thủy lực, khí nén	120	24	84	12
MĐ 29	Khí cụ điện	60	12	42	6
MĐ 30	Kỹ thuật cơ khí cơ bản	90	18	63	9
MĐ 31	Kỹ thuật đo lường điện	60	12	42	6
MĐ 32	Kỹ thuật cán đồng/nhôm	90	18	63	9
MH 33	Truyền động điện	60	40	16	4
	Cộng	480	124	310	46

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề * Mô đun tốt nghiệp (tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)	Viết Trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 180 phút Không quá 90 phút Không quá 60 phút (làm bài 40 phút, trả lời 20 phút/học sinh) Không quá 8 giờ Không quá 10 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, các Cơ sở dạy nghề có thể bố trí cho học sinh tham quan, thực tập tại một số xí nghiệp, công ty, khu công nghiệp, khu chế xuất.

- Để giáo dục đạo đức, truyền thống, mở rộng nhận thức về văn hóa xã hội có thể bố trí cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội do Đoàn Thanh niên chủ trì.

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao: - Tổ chức giải việt dã, giải bóng đá trong trường	- Vào các ngày lễ, kỷ niệm trong năm
	- Tham gia hội thao tại địa phương.	- Do địa phương phát động
2	Văn hóa, văn nghệ: - Mời các đoàn văn công về biểu diễn	- Vào các ngày lễ, kỷ niệm trong năm
	- Đoàn trường, Hội học sinh, sinh viên tổ chức hội thi văn nghệ	- Vào các ngày lễ, kỷ niệm trong năm
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn trường, hội học sinh tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt
5	Tham quan, dã ngoại: - Đoàn trường, hội học sinh. - Khoa chuyên nghề	Theo kế hoạch đào tạo năm học

4. Các chú ý khác

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn, các Cơ sở dạy nghề có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý.

- Có thể sử dụng một số môn học, mô đun đào tạo trong chương trình khung nêu trên để xây dựng chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ trung cấp nghề và cao đẳng nghề.

- Dựa theo chương trình này, khi đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp nghề lên cao đẳng nghề, cần giảng dạy bổ sung những môn học, mô đun trong chương trình trung cấp nghề không đào tạo. /

www.LuatVietnam.vn

B - CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Sản xuất cáp điện và thiết bị đầu nối

Mã nghề: 50510524

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 37

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Trình bày được các biện pháp bảo hộ lao động, an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp;

+ Trình bày được nguyên lý hoạt động của máy kéo sợi đồng/nhôm;

+ Trình bày được nguyên lý hoạt động của máy xoắn cáp điện;

+ Trình bày được nguyên lý hoạt động của máy bọc cáp điện;

+ Trình bày được các phương pháp ủ mềm dây đồng;

+ Trình bày được phương pháp chọn khuôn kéo sợi đồng/nhôm;

+ Trình bày được nguyên lý làm việc của thiết bị thu dây đồng/nhôm;

+ Trình bày được các phương pháp sản xuất các chi tiết của thiết bị đầu nối;

+ Trình bày được qui trình mạ đồng, nhôm;

+ Dự đoán các hỏng hóc, lỗi thường gặp trong quá trình sản xuất cáp điện và thiết bị đầu nối;

+ Trình bày được phương pháp thiết kế cáp điện và thiết bị đầu nối;

+ Trình bày được phương pháp đo các đại lượng như kích thước, lực kéo, cách điện, điện trở, trọng lượng... sử dụng dụng cụ đo cầm tay và thiết bị đo chuyên dùng.

- Kỹ năng:

+ Thực hiện tốt công tác bảo hộ, an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp;

+ Vận hành được máy kéo sợi đồng/nhôm;

+ Vận hành được máy xoắn cáp điện;

+ Vận hành được máy bọc cáp điện;

+ Vận hành được thiết bị ủ dây đồng;

+ Lắp đặt được khuôn kéo sợi đồng/nhôm;

- + Sử dụng được thiết bị thu dây đồng/nhôm;
- + Vận hành được máy dập chế tạo các chi tiết của thiết bị đầu nối;
- + Vận hành được máy đúc áp lực chế tạo các chi tiết của thiết bị đầu nối;
- + Thực hiện mạ đồng, nhôm;
- + Xử lý được các sự cố kỹ thuật phát sinh trong quá trình sản xuất cáp điện và thiết bị đầu nối;
- + Sử dụng thành thạo các dụng cụ đo cầm tay và máy đo chuyên dùng của nghề sản xuất cáp điện và thiết bị đầu nối;
- + Vẽ được các bản vẽ kỹ thuật về cáp điện và thiết bị đầu nối;
- + Kiểm tra, thí nghiệm đo đạt thông số kỹ thuật của cáp điện;
- + Ứng dụng tin học văn phòng, phần mềm chuyên ngành vào hoạt động sản xuất cáp điện và thiết bị đầu nối.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

- + Có kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về mục tiêu và đường lối cách mạng của Đảng và Nhà nước;
- + Có kiến thức về quyền, nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân;
- + Có ý thức nghề nghiệp, kiến thức cộng đồng và tác phong làm việc công nghiệp; có lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc;
- + Có trách nhiệm, thái độ ứng xử tốt, giải quyết các vấn đề về nghiệp vụ một cách hợp lý;
- + Thể hiện ý thức tích cực học tập rèn luyện để không ngừng nâng cao trình độ, đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu của sản xuất;
- + Có trách nhiệm trong việc phòng ngừa, đấu tranh chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

- Thể chất, quốc phòng:

- + Có kiến thức, kỹ năng về thể dục, thể thao cần thiết;
- + Phương pháp tập luyện nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực để học tập và lao động sản xuất;
- + Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quốc phòng và An ninh, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Học sinh tốt nghiệp trình độ Trung cấp nghề Sản xuất cáp điện và thiết bị đầu nối sẽ làm:

+ Công nhân sản xuất trong các công ty sản xuất cáp điện, công ty sản xuất thiết bị đầu nối;

+ Nhân viên phụ trách vật tư trong các công ty sản xuất cáp điện, công ty sản xuất thiết bị đầu nối;

+ Quản lý sản xuất trong các công ty sản xuất cáp điện, công ty sản xuất thiết bị đầu nối;

+ Nhân viên kiểm tra chất lượng sản phẩm trong các công ty sản xuất cáp điện, công ty sản xuất thiết bị đầu nối;

+ Nhân viên kinh doanh ngành cáp điện và thiết bị đầu nối.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian khoá học: 03 năm

- Thời gian học tập: 131 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 270 giờ
(Trong đó thi tốt nghiệp: 30 giờ)

2. Phân bố thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 2640 giờ; Thời gian học tự chọn: 660 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 940 giờ; Thời gian học thực hành: 2360 giờ (trong đó 310 giờ kiểm tra)

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên mô đun, môn học	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<i>I</i>	<i>Các môn học chung</i>	450	221	199	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	22	6	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng và An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
<i>II</i>	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề</i>	2640	747	1646	247

Mã MH, MĐ	Tên mô đun, môn học	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	690	346	288	56
MH 07	Cơ ứng dụng	60	50	6	4
MH 08	Vật liệu cơ khí	60	50	6	4
MH 09	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	60	46	10	4
MH 10	Vật liệu điện	60	50	6	4
MH 11	Kỹ thuật an toàn lao động	60	50	6	4
MĐ 12	Vẽ kỹ thuật	90	23	61	6
MĐ 13	AutoCad	90	28	53	9
MĐ 14	Kỹ thuật điện	60	14	40	6
MĐ 15	Điện tử cơ bản	60	14	40	6
MĐ 16	Điện cơ bản	90	21	60	9
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1950	401	1358	191
MH 17	Anh văn chuyên ngành	60	42	14	4
MH 18	Tổ chức sản xuất	60	44	12	4
MĐ 19	Gia công nguội cơ bản	90	21	60	9
MĐ 20	Bảo trì và sửa chữa thiết bị cơ khí	90	21	60	9
MĐ 21	Điều khiển lập trình PLC	90	21	60	9
MĐ 22	Kỹ thuật kéo sợi đồng/nhôm	150	35	100	15
MĐ 23	Kỹ thuật xoắn cáp điện	150	35	100	15
MĐ 24	Kỹ thuật bọc cáp điện	150	35	100	15
MĐ 25	Thiết kế cáp điện và thiết bị đầu nối	150	35	100	15
MĐ 26	Máy điện	90	21	60	9
MĐ 27	Trang bị điện	120	28	80	12
MĐ 28	Kỹ thuật đúc áp lực đồng/nhôm	120	28	80	12
MĐ 29	Kỹ thuật dập kim loại	150	35	100	15
MĐ 30	Thực tập tốt nghiệp (40 giờ/tuần)	480	0	432	48
	Tổng cộng	3090	968	1845	277

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bố thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên mô đun, môn học tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 31	Hệ thống truyền dẫn thủy lực, khí nén	120	28	80	12
MĐ 32	Khí cụ điện	90	21	60	9
MĐ 33	Kỹ thuật cơ khí cơ bản	90	21	60	9
MĐ 34	Kỹ thuật đo lường điện	90	21	60	9
MĐ 35	Kỹ thuật mạ điện	120	28	80	12
MĐ 36	Kỹ thuật cán đồng/nhôm	60	14	40	6
MH 37	Truyền động điện	90	60	24	6
MH 38	Đúc kim loại	90	31	53	6
MĐ 39	Kỹ thuật số	90	21	60	9
MĐ 40	Kỹ thuật cảm biến	90	21	60	9
MĐ 41	Điện tử công suất	90	21	60	9
MĐ 42	Scada	60	14	40	6

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Các cơ sở dạy nghề có thể sử dụng chương trình các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được giới thiệu ở trên hoặc tự xây dựng mới những chương trình đề nội dung phù hợp với đặc điểm vùng, miền.

- Khi xây dựng các môn học và mô đun tự chọn cần lưu ý: Tỷ lệ thời gian giữa lý thuyết và thực hành đảm bảo theo quy định (Lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%; Thực hành chiếm từ 65% đến 75%).

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng, thiết kế các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn ở trên phải đảm bảo thời gian học tối thiểu của phần tự chọn là 480 giờ.

- Ví dụ: Bảng dưới đây là một phương án chọn chương trình môn học, mô đun đào tạo tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên mô đun, môn học tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 31	Hệ thống truyền dẫn thủy lực, khí nén	120	28	80	12
MĐ 32	Khí cụ điện	90	21	60	9
MĐ 33	Kỹ thuật cơ khí cơ bản	90	21	60	9
MĐ 34	Kỹ thuật đo lường điện	90	21	60	9
MĐ 35	Kỹ thuật mạ điện	120	28	80	12
MĐ 36	Kỹ thuật cán đồng/nhôm	60	14	40	6
MH 37	Truyền động điện	90	60	24	6
	Cộng	660	193	404	63

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề * Mô đun tốt nghiệp (tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)	Viết Trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 180 phút Không quá 90 phút Không quá 60 phút (làm bài 40 phút, trả lời 20 phút/học sinh) Không quá 8 giờ Không quá 10 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, các Cơ sở dạy nghề có thể bố trí cho sinh viên tham quan, thực tập tại một số xí nghiệp, công ty, khu công nghiệp, khu chế xuất.

- Để giáo dục đạo đức, truyền thống, mở rộng nhận thức về văn hóa xã hội có thể bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội do Đoàn Thanh niên chủ trì.

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp.

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao: - Tổ chức giải việt dã, giải bóng đá trong trường - Tham gia hội thao tại địa phương.	- Vào các ngày lễ, kỷ niệm trong năm - Do địa phương phát động
2	Văn hóa, văn nghệ: - Mời các đoàn văn công về biểu diễn - Đoàn trường, Hội học sinh, sinh viên tổ chức hội thi văn nghệ	- Vào các ngày lễ, kỷ niệm trong năm - Vào các ngày lễ, kỷ niệm trong năm
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn trường, hội học sinh tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt
5	Tham quan, dã ngoại: - Đoàn trường, hội học sinh - Khoa chuyên nghề	Theo kế hoạch đào tạo năm học

4. Các chú ý khác

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn, các Cơ sở dạy nghề có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý.

- Có thể sử dụng một số môn học, mô đun đào tạo trong chương trình khung nêu trên để xây dựng chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ trung cấp nghề và cao đẳng nghề.

- Dựa theo chương trình này, khi đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp nghề lên cao đẳng nghề, cần giảng dạy bổ sung những môn học, mô đun trong chương trình trung cấp nghề không đào tạo./.

Phụ lục 02



CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ, CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ CHO NGHỀ SẢN XUẤT SẢN PHẨM KÍNH THỦY TINH

(Ban hành theo thông tư số **13** /2015/TT - BLĐT BXH

ngày **3** năm 2015 của Bộ trưởng Bộ lao động - Thương binh và Xã hội)

A - CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: Sản xuất sản phẩm kính, thủy tinh

Mã nghề: 40510518

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hoá Trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 25

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Trình bày được các quá trình hóa lý chủ yếu trong công nghiệp sản xuất vật liệu silicat;

+ Nắm rõ vai trò của các nguyên liệu trong sản xuất sản phẩm kính, thủy tinh;

+ Biết và giải thích được tên, các yêu cầu cơ bản và cách bảo quản các nguyên liệu sử dụng trong sản xuất sản phẩm kính, thủy tinh;

+ Giải thích được các tiêu chuẩn chất lượng nguyên liệu sử dụng trong sản xuất kính;

+ Hiểu được công nghệ sản xuất sản phẩm kính xây dựng theo phương pháp cán kính và phương pháp nổi;

+ Trình bày được công dụng, cấu tạo chính, nguyên lý hoạt động và sự có kỹ thuật thường gặp trong sản xuất của một số thiết bị công nghệ sản xuất.

+ Trình bày được quy trình vận hành một số thiết bị công nghệ sản xuất.

+ Giải thích được các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm kính trong công đoạn sản xuất;

+ Trình bày được quy trình kiểm soát chất lượng trong sản xuất.

- Kỹ năng:

+ Thực hiện được các công việc chuẩn bị cho sản xuất;

+ Thực hiện được công việc gia công cát trên các thiết bị: Máy sàng rung, máy rửa; vận hành thiết bị phân phối, lưu trữ vào các silo chứa.

+ Thực hiện được các công việc tổ hợp phối liệu: Cân nguyên liệu, phụ liệu; vận hành băng tải; trộn phối liệu; kiểm tra chất lượng phối liệu; vận hành băng tải cấp liệu sang máy nạp liệu lò;

+ Tạo hình được sản phẩm kính theo phương pháp cán;

+ Thực hiện được công việc ủ băng kính và xử lý sự cố trong ủ;

+ Thực hiện thành thạo việc cắt, bẻ, đóng gói sản phẩm;

+ Vận hành được một số thiết bị sản xuất sản phẩm kính, thủy tinh.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Hiểu biết một số kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước;

+ Có lương tâm nghề nghiệp, có ý thức chấp hành đúng tổ chức kỷ luật và tác phong làm việc công nghiệp;

+ Tích cực học tập và rèn luyện đạo đức để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu của công việc;

+ Có kiến thức cơ bản về phòng chống tham nhũng.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Có đủ sức khỏe để học tập, công tác lâu dài, sẵn sàng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

+ Hiểu biết một số phương pháp luyện tập và đạt kỹ năng cơ bản một số môn thể dục, thể thao như: Thể dục, điền kinh, bóng chuyền;

+ Có hiểu biết cơ bản về công tác quốc phòng toàn dân, dân quân tự vệ;

+ Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quân sự phổ thông cần thiết của người chiến sĩ, vận dụng được trong công tác bảo vệ trật tự trị an;

+ Có ý thức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

- Học sinh tốt nghiệp Trung cấp nghề Sản xuất sản phẩm kính, thủy tinh sẽ làm việc tại các nhà máy sản xuất kính, thủy tinh, tại các phân xưởng:

+ Gia công nguyên liệu cho sản xuất;

+ Phân xưởng gia công và phối liệu trộn nguyên liệu;

- + Phân xưởng tạo hình và ủ băng kính;
- + Phân xưởng cắt, bẻ và đóng gói sản phẩm;
- + Phân xưởng cơ điện.
- Các cơ sở kinh doanh sản phẩm kính, thủy tinh.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 01 năm
- Thời gian học tập: 44 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 1410 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 160 giờ
(Trong đó thi tốt nghiệp: 90 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề, 1200 giờ trong đó:
 - + Thời gian học bắt buộc: 1050 giờ; Thời gian học tự chọn: 150 giờ
 - + Thời gian học lý thuyết: 331 giờ; Thời gian học thực hành: 869 giờ

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC; THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<i>I</i>	<i>Các môn học chung</i>	210	107	86	17
MH1	Chính trị	30	22	6	2
MH2	Pháp luật	15	11	3	1
MH3	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH4	Giáo dục quốc phòng và An ninh	45	28	13	4
MH5	Tin học	30	13	15	2
MH6	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
<i>II</i>	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề</i>	1050	289	737	24
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	310	174	127	9
MH7	Cơ sở hóa học thủy tinh	45	30	14	1

MH8	Vẽ kỹ thuật	30	15	14	1
MH9	ATVSLĐ trong sản xuất kính xây dựng	45	24	20	1
MH 10	Nguyên liệu sản xuất kính xây dựng	35	20	14	1
MH 11	Đại cương máy thiết bị sản xuất kính xây dựng	95	50	42	3
MH 12	Lò nấu kính	60	35	23	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	740	115	610	15
MĐ 13	Gia công và phối trộn nguyên liệu	55	15	39	1
MĐ 14	Công nghệ nấu kính	95	25	67	3
MĐ 15	Tạo hình, ủ băng kính theo phương pháp cán	65	15	48	2
MĐ 16	Tạo hình, ủ băng kính theo phương pháp nổi (float)	95	15	77	3
MĐ 17	Cắt, bẻ sản phẩm kính tấm	55	15	39	1
MĐ 18	Đóng gói sản phẩm	30	10	19	1
MĐ 19	Kiểm tra chất lượng trong quá trình sản xuất	45	10	34	1
MĐ 20	Thực tập tốt nghiệp	300	10	287	3
	Tổng cộng	1260	509	937	54

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bố thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được xây dựng trên cơ sở sơ đồ phân tích nghề, bảng phân tích công việc và danh mục các công việc theo cấp trình độ đào tạo. Trong chương trình khung trình độ Trung cấp nghề đề xuất một số môn học và mô đun tự chọn được giới thiệu ở bảng dưới đây:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 21	Tiếng Anh chuyên ngành	50	14	35	1
MĐ 22	Tổ chức sản xuất trong sản xuất kính, thủy tinh	50	14	35	1
MĐ 23	Sản xuất gương	50	14	35	1
MĐ 24	Sản xuất kính tôi nhiệt	50	14	35	1
MĐ 25	Sản xuất kính dán	50	14	35	1
MĐ 26	Sản xuất kính hộp	50	14	35	1

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Trong chương trình khung trình độ Trung cấp nghề đã xây dựng các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đã đưa ra trong chương trình dạy nghề trình tại mục V, tiêu đề 1.1; hoặc kết hợp cả hai phương án trên. Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định, nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học.

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu của đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành, nghề hoặc vùng, miền.

Ví dụ: Có thể lựa chọn 3/6 môn học, mô đun tự chọn đã gợi ý ở trên để xây dựng chương trình đào tạo nghề như trong bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 23	Sản xuất gương	50	14	35	1
MĐ 24	Sản xuất kính tôi nhiệt	50	14	35	1
MĐ 25	Sản xuất kính dán	50	14	35	1
	Tổng cộng	150	42	105	3

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề * Mô đun tốt nghiệp (tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)	Viết Trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 180 phút Không quá 90 phút Không quá 60 phút (làm bài 40 phút, trả lời 20 phút/học sinh) Không quá 24 giờ Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp, các cơ sở dạy nghề có thể tổ chức cho học sinh đi tham quan ở một số cơ sở sản xuất sản phẩm kính hoặc tổ chức các cuộc hội thảo về kính;

- Thời gian và nội dung giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa như sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục thể thao	
2	Văn hóa văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/ tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần

4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại	Mỗi kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn, các Cơ sở dạy nghề có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý.

- Có thể sử dụng một số môn học, mô đun đào tạo trong chương trình khung nêu trên để xây dựng chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ trung cấp nghề và cao đẳng nghề.

- Dựa theo chương trình này, khi đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp nghề lên cao đẳng nghề, cần giảng dạy bổ sung những môn học, mô đun trong chương trình trung cấp nghề không đào tạo. /.



www.LuatVietnam.vn

B - CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Sản xuất sản phẩm kính, thủy tinh

Mã nghề: 50515018

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 24

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức

- + Trình bày được các quy luật cơ bản của công nghiệp hóa học;
- + Giải thích được cân bằng pha và các quá trình chuyển pha dưới tác động của nhiệt độ, áp suất;
- + Trình bày được các quá trình hóa lý chủ yếu trong công nghiệp sản xuất vật liệu silicat;
- + Biết và giải thích được tên, các yêu cầu cơ bản và cách bảo quản các nguyên liệu sử dụng, trong sản xuất sản phẩm kính, thủy tinh;
- + Phân tích được các tiêu chuẩn chất lượng nguyên liệu sử dụng trong sản xuất kính;
- + Trình bày được quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm kính xây dựng theo phương pháp cán kính và phương pháp nổi;
- + Giải thích được công dụng, cấu tạo, nguyên lý hoạt động và các sự cố kỹ thuật thường gặp của các thiết bị sản xuất kính;
- + Trình bày được quy trình vận hành các thiết bị sản xuất;
- + Giải thích được các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm kính;
- + Hiểu được quy trình kiểm soát chất lượng trong quá trình sản xuất;
- + Giải thích được các nguyên nhân và xử lý được một số sự cố kỹ thuật thường gặp gây ra phế phẩm trong sản xuất.

- Kỹ năng:

- + Đánh giá được chất lượng các loại nguyên liệu dùng cho sản xuất;
- + Thực hiện được các công việc chuẩn bị sản xuất;
- + Thực hiện được công việc gia công cát và các nguyên liệu khác; vận hành được thiết bị phân phối, thiết bị đập nghiền, sàng nguyên liệu; kiểm tra được nguyên liệu gia công;

- + Thực hiện được các công việc tổ hợp phối liệu: Cân nguyên liệu, phụ liệu; vận hành băng tải; trộn phối liệu; kiểm tra được chất lượng phối liệu.
- + Thực hiện việc nấu và xử lý được lỗi kỹ thuật trong nấu thủy tinh;
- + Kiểm soát được các thông số của lò nấu; điều chỉnh được nhiệt độ dầu đốt; thay thế vòi phun; đo được mức thủy tinh bằng phương pháp thủ công.
- + Xử lý được các sự cố trong quá trình nấu như: Thay thế can nhiệt; vận hành và đổi máy nén khí dự phòng; xử lý hai quạt cấp khí đốt; xả thủy tinh lỏng bằng máng xả; xử lý rò chảy thủy tinh lỏng; vá gạch tường bên; vá dinh vòm;
- + Xử lý được các lỗi trong tạo hình nổi như: Điều chỉnh lưu lượng thủy tinh lỏng vào bể thiếc; chuyển đổi độ dày băng kính bằng các phương pháp kỹ thuật khác nhau;
- + Thực hiện được công việc tạo hình theo phương pháp cán;
- + Thực hiện được công việc ủ băng kính và xử lý các sự cố trong ủ;
- + Thực hiện thành thạo việc cắt bê, xử lý sự cố và đóng gói sản phẩm;
- + Kiểm soát được chất lượng trong quá trình sản xuất;
- + Vận hành được các thiết bị sản xuất sản phẩm kính, thủy tinh;
- + Kèm cặp, hướng dẫn được công nhân bậc thấp hơn;
- + Sử dụng được máy tính, tiếng Anh để phục vụ cho công việc của nghề.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

- + Hiểu biết những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Hiến pháp, Pháp luật của Nhà nước;
- + Có ý thức tự giác chấp hành kỷ luật lao động, lao động có kỹ thuật, có chất lượng và năng suất cao;
- + Tích cực học tập và rèn luyện đạo đức để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu của công việc;
- + Có tinh thần trách nhiệm về phòng ngừa, đấu tranh chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

- Thể chất, quốc phòng:

- + Có đủ sức khỏe để học tập, công tác lâu dài, sẵn sàng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
- + Hiểu biết một số phương pháp luyện tập và đạt kỹ năng cơ bản một số môn thể dục, thể thao như: Thể dục, điền kinh, bóng chuyền;
- + Có hiểu biết cơ bản về công tác quốc phòng toàn dân, dân quân tự vệ;
- + Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quân sự phổ thông cần thiết của người chiến sĩ, vận dụng được trong công tác bảo vệ trật tự trị an;

+ Có ý thức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm:

- Sinh viên tốt nghiệp Cao đẳng nghề Sản xuất sản phẩm kính thủy tinh sẽ làm việc tại các nhà máy sản xuất sản phẩm kính, thủy tinh, tại các phân xưởng:

- + Phân xưởng gia công và phối liệu trộn nguyên liệu;
- + Phân xưởng nấu thủy tinh;
- + Phân xưởng tạo hình và ủ băng kính;
- + Phân xưởng cắt, bẻ và đóng gói sản phẩm;
- + Phân xưởng cơ điện;
- + Phân xưởng năng lượng;
- + Các cơ sở kinh doanh sản phẩm kính thủy tinh.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 2,5 năm
- Thời gian học tập: 110 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3200 giờ
- Thời gian ôn, thi, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 232 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 112 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2750 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 2350 giờ; Thời gian học tự chọn: 400 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 710 giờ; Thời gian học thực hành: 2040 giờ

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC; THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<i>I</i>	<i>Các môn học chung</i>	450	221	199	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	22	6	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4

MH 04	Giáo dục quốc phòng và An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
<i>II</i>	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề</i>	2350	570	1710	70
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	600	315	255	30
MH 07	Cơ sở hóa học thủy tinh	95	60	30	5
MH 08	Vẽ kỹ thuật	65	35	25	5
MH 09	An toàn vệ sinh lao động trong sản xuất kính xây dựng	65	35	25	5
MH 10	Nguyên liệu sản xuất kính xây dựng	85	45	35	5
MH 11	Đại cương máy thiết bị sản xuất kính xây dựng	165	95	65	5
MH 12	Lò nấu kính	125	45	75	5
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1750	255	1455	40
MĐ 13	Gia công và phối trộn nguyên liệu	125	35	85	5
MĐ 14	Công nghệ nấu kính	165	65	95	5
MĐ 15	Tạo hình, ủ băng kính theo phương pháp cán	125	30	90	5
MĐ 16	Tạo hình, ủ băng kính theo phương pháp nổi (float)	150	45	100	5
MĐ 17	Cắt, bề sản phẩm kính tấm	95	20	70	5
MĐ 18	Đóng gói sản phẩm	75	15	55	5
MĐ 19	Kiểm tra chất lượng trong quá trình sản xuất	95	30	60	5
MĐ20	Thực tập tốt nghiệp	920	15	900	5
	Tổng cộng	2800	791	1909	100

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bố thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được xây dựng trên cơ sở sơ đồ phân tích nghề, bảng phân tích công việc và danh mục các công việc theo cấp trình độ đào tạo. Trong chương trình khung trình độ cao đẳng nghề đề xuất một số môn học và mô đun tự chọn được giới thiệu ở bảng dưới đây:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 21	Tiếng Anh chuyên ngành	100	35	60	5
MĐ 22	Tổ chức sản xuất trong sản xuất kính	100	35	60	5
MĐ 23	Sản xuất gương	100	35	60	5
MĐ 24	Sản xuất kính tôi nhiệt	100	35	60	5
MĐ 25	Sản xuất kính dán	100	35	60	5
MĐ 26	Sản xuất kính hộp	100	35	60	5

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Trong chương trình khung trình độ cao đẳng nghề sản xuất sản phẩm kính đã xây dựng các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đã đưa ra trong chương trình dạy nghề tại mục V, tiêu đề 1.1; hoặc kết hợp cả hai phương án trên. Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định, nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học.

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu của đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành, nghề hoặc vùng, miền.

Ví dụ: Có thể lựa chọn 4/6 môn học, mô đun tự chọn đã gợi ý ở trên để xây dựng chương trình đào tạo nghề như bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 23	Sản xuất gương	100	35	60	5
MĐ 24	Sản xuất kính tôi nhiệt	100	35	60	5
MĐ 25	Sản xuất kính dán	100	35	60	5
MĐ 26	Sản xuất kính hộp	100	35	60	5
	Tổng cộng	400	140	240	20

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề * Mô đun tốt nghiệp (tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)	Viết Trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 180 phút Không quá 90 phút Không quá 60 phút (làm bài 40 phút, trả lời 20 phút/học sinh) Không quá 12 giờ Không quá 12 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp, các cơ sở dạy nghề có thể tổ chức cho sinh viên đi tham quan ở một số cơ sở sản xuất sản phẩm kính hoặc tổ chức các cuộc hội thảo về kính.

- Thời gian và nội dung giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa như sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục thể thao	
2	Văn hóa văn nghệ:	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ

	- Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	đến 21 giờ (<i>một buổi/tuần</i>)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại	Mỗi kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn, các Cơ sở dạy nghề có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý.

- Có thể sử dụng một số môn học, mô đun đào tạo trong chương trình khung nêu trên để xây dựng chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ trung cấp nghề và cao đẳng nghề.

- Dựa theo chương trình này, khi đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp nghề lên cao đẳng nghề, cần giảng dạy bổ sung những môn học, mô đun trong chương trình trung cấp nghề không đào tạo. /

Phụ lục 03



CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ, CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ CHO NGHỀ QUAN HỆ CÔNG CHÚNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13 /2015/TT-BLĐTBXH
ngày 20 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

A - CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: Quan hệ công chúng

Mã nghề: 40340120

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa Trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 30

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Trình bày được các khái niệm cơ bản trong quan hệ công chúng; xác định được các hoạt động truyền thông của doanh nghiệp; nắm được tầm quan trọng và các bước xây dựng mối quan hệ với giới truyền thông cho doanh nghiệp;

+ Mô tả được quy trình thực hiện chiến dịch quan hệ công chúng; nắm được nội dung và yêu cầu các bước thực hiện chiến dịch truyền thông;

+ Khái quát được các giai đoạn hình thành và phát triển của khủng hoảng truyền thông;

+ Mô tả được các công cụ truyền thông marketing tích hợp;

+ Hiểu được vị trí và vai trò của truyền thông nội bộ trong hoạt động của tổ chức; nhận biết được các vấn đề của truyền thông nội bộ trong thay đổi quan trọng của tổ chức; giải thích được các công cụ truyền thông nội bộ;

+ Ghi nhớ được các thuật ngữ chuyên ngành quan hệ công chúng trong tiếng Anh;

+ Trình bày được quy trình tổ chức một sự kiện; nắm được trình tự và nội dung công việc trong tổ chức sự kiện;

- + Mô tả được các ứng dụng, dịch vụ truyền thông trên mạng Internet; nhận diện được các rủi ro và nắm được các nguyên tắc bảo mật khi tham gia mạng Internet;
- + Nắm được đặc điểm cơ bản của các vùng văn hoá Việt Nam;
- + Nắm được các nguyên tắc cơ bản trong tiếng Việt; trình bày được khái niệm và ý nghĩa các loại văn bản;
- + Trình bày được các vấn đề cơ bản của nguyên lý thống kê, trình tự nghiên cứu thống kê, các phương pháp sử dụng trong thống kê;
- + Nắm được các kiến thức bổ trợ như: Phương pháp thuyết trình, nghi thức giao tiếp với đồng nghiệp và khách hàng, các nguyên tắc cơ bản trong kế toán, thuật ngữ trong marketing và thương hiệu.

- Kỹ năng:

- + Thực hiện được một số công việc trong tổ chức sự kiện;
- + Soạn được bản thảo chiến dịch quan hệ công chúng bao gồm đầy đủ các bước và yêu cầu của từng bước;
- + Vận dụng được một số ứng dụng, dịch vụ truyền thông trên Internet (email, mạng xã hội, diễn đàn mạng, v.v...) cho các chiến dịch quan hệ công chúng, sự kiện;
- + Sử dụng được Anh văn trong việc tìm kiếm thông tin;
- + Vận dụng được một số phương thức truyền thông nội bộ (email, bản tin định kỳ - newsletter, bảng thông tin, hộp bộ phận, dã ngoại, v.v...);
- + Lập được bảng mô tả và bảng tiêu chuẩn công việc cho các vị trí làm việc nghề quan hệ công chúng;

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

- + Có một số kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước;
- + Có hiểu biết về đường lối chủ trương của Đảng về định hướng phát triển kinh tế - xã hội;
- + Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa;
- + Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;
- + Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp;
- + Luôn có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu của công việc;

+ Có ý thức tích cực, chủ động phòng ngừa vừa kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Thường xuyên rèn luyện thân thể để có đủ sức khỏe học tập và công tác lâu dài;

+ Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

+ Hiểu biết những kiến thức kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng và An ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng và sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp trung cấp nghề, học sinh làm việc tại các vị trí sau:

- Chuyên viên quan hệ công chúng;
- Chuyên viên truyền thông đối nội;
- Nhân viên tổ chức sự kiện;
- Chuyên viên quản trị mạng xã hội;
- Chuyên viên quản trị nội dung website tổ chức;
- Nhân viên chăm sóc khách hàng;
- Chuyên viên quảng cáo;
- Chuyên viên viết lời quảng cáo.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Thời gian học tập: 90 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2575 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 180 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 30 giờ)

2. Phân bố thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2365 giờ
 - + Thời gian học bắt buộc: 1705 giờ; Thời gian học tự chọn: 660 giờ
 - + Thời gian học lý thuyết: 685 giờ; Thời gian học thực hành: 1680 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1020 giờ

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bố thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn hiệu quả).

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	<i>Các môn học chung</i>	210	107	86	17
MH01	Chính trị	30	22	6	2
MH02	Pháp luật	15	11	3	1
MH03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH04	Giáo dục quốc phòng và An ninh	45	28	13	4
MH05	Tin học	30	13	15	2
MH06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
II	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề</i>	1705	425	1231	49
II.1	<i>Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở</i>	465	171	273	21
MĐ 07	Tâm lý kinh doanh	60	20	37	3
MH 08	Pháp luật kinh tế	30	15	13	2
MH 09	Soạn thảo văn bản	45	26	16	3
MH 10	Marketing căn bản	60	30	27	3
MĐ 11	Tổng quan về Quan hệ công chúng	120	30	84	6
MĐ 12	Tiếng Việt thực hành	60	20	38	2
MĐ 13	Tin học ứng dụng trong truyền thông	90	30	58	2
II.2	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn nghề</i>	1240	254	958	28
MĐ 14	Ngoại ngữ chuyên ngành	120	54	60	6
MĐ 15	Tổ chức sự kiện	60	20	38	2
MĐ 16	Truyền thông đa phương tiện	90	30	58	2
MĐ 17	Ngôn ngữ viết trong Quan hệ công chúng	90	30	58	2

MĐ 18	Quản trị khủng hoảng truyền thông	90	30	58	2
MĐ 19	Thiết kế và quản trị nội dung website	90	30	58	2
MĐ 20	Truyền thông nội bộ	90	30	58	2
MĐ 21	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	90	30	55	5
MĐ 22	Thực tập tốt nghiệp	520	0	515	5
Tổng cộng		1915	537	1317	61

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 23	Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh	60	28	30	2
MĐ 24	Kỹ năng thuyết trình trước công chúng	60	10	45	5
MH 25	Cơ sở văn hoá Việt Nam	60	42	14	4
MĐ 26	Truyền thông Marketing tích hợp	90	30	58	2
MĐ 27	Hành vi khách hàng	90	30	57	3
MH 28	Quản trị quan hệ khách hàng	90	60	24	6
MĐ 29	Xây dựng chiến dịch Quan hệ công chúng	90	30	58	2
MĐ 30	Tin học nâng cao	120	30	86	4
MĐ 31	Hệ thống thông tin quản lý	45	20	23	2
MĐ 32	Thương mại điện tử	90	30	58	2
MH 33	Nguyên lý kế toán	45	25	18	2
MH 34	Xã hội học	60	38	20	2
MH 35	Quản trị học	45	25	17	3
MĐ 36	Hành vi tổ chức	75	25	45	5

MĐ 37	Quản trị nhân lực	75	20	50	5
MĐ 38	Đạo đức trong kinh doanh	90	30	57	3
MĐ 39	Quản trị thương hiệu	90	30	58	2
MH 40	Lịch sử văn minh thế giới	60	29	28	3

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Các Trường/Cơ sở dạy nghề căn cứ vào thời gian, tỉ lệ phân bổ giữa các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn và bắt buộc đã được quy định, đồng thời căn cứ vào nhu cầu cần thiết của vùng, miền và cơ sở vật chất hiện có để xây dựng chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học, mô đun tự chọn cho phù hợp

- Ví dụ: Có thể chọn 8 trong số 18 môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn với tổng thời gian đào tạo là 660 giờ như sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 23	Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh	60	28	30	2
MĐ 24	Kỹ năng thuyết trình trước công chúng	60	10	45	5
MH 25	Cơ sở văn hoá Việt Nam	60	42	14	4
MĐ 26	Truyền thông Marketing tích hợp	90	30	58	2
MĐ 27	Hành vi khách hàng	90	30	57	3
MH 28	Quản trị quan hệ khách hàng	90	60	24	6
MĐ 29	Xây dựng chiến dịch Quan hệ công chúng	90	30	58	2
MĐ 30	Tin học nâng cao	120	30	86	4
Tổng cộng		660	260	372	28

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

3	Kiến thức, kỹ năng nghề:		
	- Lý thuyết nghề	Viết Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và trả lời 20 phút/học sinh)
	- Thực hành nghề	Trắc nghiệm Bài thi thực hành	Không quá 90 phút Không quá 12 giờ
	* Mô đun tốt nghiệp (<i>tích hợp lý thuyết với thực hành</i>)	Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 12 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khoá (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Nhằm mục đích giáo dục toàn diện để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Trường/Cơ sở dạy nghề có thể:

+ Tổ chức tham quan một số doanh nghiệp trong lĩnh vực truyền thông, báo chí;

+ Tổ chức cho học sinh tham gia những chương trình, sự kiện, hội trợ triển lãm;

+ Bố trí tham quan, học tập dã ngoại tại một số doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất kinh doanh phù hợp.

- Thời gian cho hoạt động ngoại khoá được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá như sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ sáng, 17 giờ đến 18 giờ chiều hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ (qua phương tiện thông tin đại chúng, sinh hoạt tập thể)	- Ngoài giờ học chính khóa - Hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện (đọc sách và tham khảo tài liệu)	- Ngoài giờ học chính khóa - Tất cả ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể do Đoàn Thanh niên tổ chức	Các tối thứ 7, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại	Mỗi kỳ học 1 lần

4. Các chú ý khác

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn, các Cơ sở dạy nghề có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý.

- Có thể sử dụng một số môn học, mô đun đào tạo trong chương trình khung nêu trên để xây dựng chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ trung cấp nghề và cao đẳng nghề.

- Dựa theo chương trình này, khi đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp nghề lên cao đẳng nghề, cần giảng dạy bổ sung những môn học, mô đun trong chương trình trung cấp nghề không đào tạo./.

www.LuatVietnam.vn

B - CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Quan hệ công chúng

Mã nghề: 50340120

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 41

Cấp bằng sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

- + Trình bày được các khái niệm cơ bản trong quan hệ công chúng; xác định được các hoạt động truyền thông của doanh nghiệp; tầm quan trọng và các bước xây dựng mối quan hệ với giới truyền thông cho doanh nghiệp;
- + Trình bày được quy trình thực hiện chiến dịch quan hệ công chúng; nắm được nội dung và yêu cầu các bước thực hiện chiến dịch truyền thông;
- + Giải thích được phương pháp xây dựng chiến lược truyền thông marketing tích hợp; mô tả được các công cụ truyền thông marketing tích hợp;
- + Khái quát được các giai đoạn hình thành và phát triển của khủng hoảng truyền thông;
- + Mô tả được vị trí và vai trò của truyền thông nội bộ trong hoạt động của tổ chức; nắm được các vấn đề của truyền thông nội bộ trong công ty đa quốc gia; diễn giải được các công cụ truyền thông nội bộ;
- + Nắm được các thuật ngữ chuyên ngành quan hệ công chúng trong tiếng Anh; có vốn từ vựng cơ bản để giao tiếp trong công việc và đời thường;
- + Trình bày được quy trình tổ chức một sự kiện; nắm được trình tự và nội dung công việc trong tổ chức sự kiện;
- + Nắm được các nguyên tắc đạo đức trong hoạt động kinh doanh và quan hệ công chúng;
- + Giải thích được các ứng dụng, dịch vụ truyền thông trên mạng Internet; nhận diện được các rủi ro và nắm được các nguyên tắc bảo mật khi tham gia mạng Internet;
- + Giải thích được những đặc điểm cơ bản của các vùng văn hoá Việt Nam; Mô tả được đặc điểm của một số tín ngưỡng, tôn giáo tiêu biểu ở Việt Nam; hiểu biết cơ bản về quá trình phát triển lịch sử văn hóa Việt Nam;
- + Nắm được các nguyên tắc cơ bản trong tiếng Việt; trình bày được khái niệm và ý nghĩa các loại văn bản; xác định được hình thức, nội dung và quy trình soạn thảo văn bản;

+ Trình bày được các vấn đề cơ bản của nguyên lý thống kê, trình tự nghiên cứu thống kê, các phương pháp sử dụng trong thống kê;

+ Nắm được các kiến thức bổ trợ như: Phương pháp thuyết trình, nghi thức giao tiếp với đồng nghiệp và khách hàng, các nguyên tắc cơ bản trong kế toán, thuật ngữ trong marketing và thương hiệu.

- Kỹ năng:

+ Thực hiện thành thạo một số công việc trong tổ chức sự kiện (lập kế hoạch tổ chức, vận động tài trợ, làm việc với nhà cung cấp, lập danh sách và gửi thư mời, đón tiếp khách mời, khai mạc sự kiện, phục vụ tại sự kiện, bế mạc sự kiện, đánh giá kết quả sau sự kiện,...);

+ Vận dụng được các công cụ truyền thông đa phương tiện trong công việc Quan hệ công chúng;

+ Soạn được bản thảo chiến dịch quan hệ công chúng bao gồm đầy đủ các bước và yêu cầu của từng bước;

+ Vận dụng được một số ứng dụng, dịch vụ truyền thông trên Internet (email, mạng xã hội, diễn đàn mạng, v.v...) cho các chiến dịch quan hệ công chúng, sự kiện;

+ Sử dụng được Anh văn trong việc đọc tài liệu, tìm kiếm thông tin, soạn thảo văn bản; đối thoại được với đồng nghiệp là người nước ngoài;

+ Vận dụng thành thạo một số phương thức truyền thông nội bộ (email, bản tin định kỳ-newsletter, bảng thông tin, hộp bộ phận, dã ngoại, v.v...);

+ Lập được bảng mô tả và bảng tiêu chuẩn công việc cho các vị trí làm việc nghề quan hệ công chúng;

+ Soạn thảo được các loại văn bản đảm bảo các quy định về hình thức và nội dung văn bản.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Nắm được kiến phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lê nin; tư tưởng Hồ Chí Minh;

+ Hiểu biết Hiến pháp, Pháp luật, quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa;

+ Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp;

+ Luôn có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu của công việc.

+ Có ý thức tích cực, chủ động phòng ngừa vừa kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

+ Hiểu biết những kiến thức kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng và An ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng và sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp cao đẳng nghề, sinh viên có thể làm việc tại các vị trí sau:

- Chuyên viên quan hệ công chúng;
- Chuyên viên truyền thông đối ngoại;
- Chuyên viên truyền thông đối nội;
- Nhân viên tổ chức sự kiện;
- Trưởng nhóm tổ chức sự kiện;
- Chuyên viên quản trị mạng xã hội;
- Chuyên viên quản trị nội dung website tổ chức;
- Nhân viên chăm sóc khách hàng;
- Trưởng nhóm chăm sóc khách hàng;
- Chuyên viên quảng cáo;
- Chuyên viên viết lời quảng cáo;
- Chuyên viên đào tạo PR nội bộ.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 3 năm
- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3760 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 240 giờ

(Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ)

2. Phân bố thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3310 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 2305 giờ; Thời gian học tự chọn: 1005 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 1069 giờ; Thời gian học thực hành: 2241 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	<i>Các môn học chung</i>	450	221	199	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	22	6	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng và An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
II	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề</i>	2305	654	1569	82
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	510	196	290	24
MĐ 07	Tâm lý kinh doanh	60	20	37	3
MH 08	Pháp luật kinh tế	30	15	13	2
MH 09	Soạn thảo văn bản	45	26	16	3
MH 10	Quản trị học	45	25	17	3
MH 11	Marketing căn bản	60	30	27	3
MĐ 12	Tổng quan về Quan hệ công chúng	120	30	84	6
MĐ 13	Tiếng Việt thực hành	60	20	38	2
MĐ 14	Tin học ứng dụng trong truyền thông	90	30	58	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1795	458	1279	58
MĐ 15	Ngoại ngữ chuyên ngành	300	140	140	20
MĐ 16	Tổ chức sự kiện	60	20	38	2
MĐ 17	Truyền thông đa phương tiện	90	30	58	2
MĐ 18	Xây dựng chiến dịch Quan hệ công chúng	90	30	58	2
MĐ 19	Quản trị khủng hoảng truyền thông	90	30	58	2
MĐ 20	Truyền thông Marketing tích hợp	90	30	58	2
MĐ 21	Truyền thông nội bộ	90	30	58	2
MĐ 22	Đánh giá hiệu quả chiến dịch truyền thông	90	30	58	2

MĐ 23	Ngôn ngữ viết trong Quan hệ công chúng	90	30	58	2
MĐ 24	Quản trị nhân lực	75	20	50	5
MĐ 25	Kỹ năng thuyết trình trước công chúng	60	10	45	5
MĐ 26	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	90	30	55	5
MĐ 27	Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh	60	28	30	2
MĐ 28	Thực tập tốt nghiệp	520	0	515	5
Tổng cộng		2755	874	1769	112

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 29	Kỹ năng học tập	45	20	23	2
MĐ 30	Kỹ năng làm việc	45	20	20	5
MH 31	Xã hội học	60	38	20	2
MĐ 32	Tin học nâng cao	120	30	86	4
MH 33	Quản trị quan hệ khách hàng	90	60	24	6
MĐ 34	Thiết kế và quản trị nội dung website	90	30	58	2
MĐ 35	Thương mại điện tử	90	30	58	2
MĐ 36	Hành vi tổ chức	75	25	45	5
MĐ 37	Hành vi khách hàng	90	30	57	3
MĐ 38	Quản trị thương hiệu	90	30	58	2
MH 39	Quản trị chuỗi cung ứng	60	30	27	3
MĐ 40	Đạo đức trong kinh doanh	90	30	57	3
MH 41	Cơ sở văn hoá Việt Nam	60	42	14	4
MĐ 42	Hoạch định và quản lý ngân sách	60	20	38	2

MĐ 43	Hệ thống thông tin quản lý	45	20	23	2
MH 44	Kinh doanh quốc tế	45	25	18	2
MH 45	Nguyên lý thống kê	45	30	13	2
MH 46	Nguyên lý kế toán	45	25	18	2
MH 47	Quản trị chất lượng	45	25	18	2
MH 48	Lịch sử văn minh thế giới	60	29	28	3

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Các Trường/Cơ sở dạy nghề căn cứ vào thời gian, tỉ lệ phân bổ giữa các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn và bắt buộc đã được quy định, đồng thời căn cứ vào nhu cầu cần thiết của vùng, miền và cơ sở vật chất hiện có để xây dựng chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học, mô đun tự chọn cho phù hợp.

- Ví dụ: Có thể chọn 13 trong số 20 môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn như sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 29	Kỹ năng học tập	45	20	23	2
MĐ 30	Kỹ năng làm việc	45	20	20	5
MH 31	Xã hội học	60	38	20	2
MĐ 32	Tin học nâng cao	120	30	86	4
MH 33	Quản trị quan hệ khách hàng	90	60	24	6
MĐ 34	Thiết kế và quản trị nội dung website	90	30	58	2
MĐ 35	Thương mại điện tử	90	30	58	2
MĐ 36	Hành vi tổ chức	75	25	45	5
MĐ 37	Hành vi khách hàng	90	30	57	3
MĐ 38	Quản trị thương hiệu	90	30	58	2
MH 39	Quản trị chuỗi cung ứng	60	30	27	3
MĐ 40	Đạo đức trong kinh doanh	90	30	57	3
MH 41	Cơ sở văn hoá Việt Nam	60	42	14	4
Tổng cộng		1005	415	547	43

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề * Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Viết Vấn đáp Trắc nghiệm Bài thi thực hành Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và trả lời 20 phút/ sinh viên) Không quá 90 phút Không quá 12 giờ Không quá 12 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khoá (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Nhằm mục đích giáo dục toàn diện để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Trường/Cơ sở dạy nghề có thể:

+ Tổ chức tham quan một số doanh nghiệp trong lĩnh vực truyền thông, báo chí;

+ Tổ chức cho sinh viên tham gia những chương trình, sự kiện, hội trợ triễn lãm;

+ Bố trí tham quan, học tập dã ngoại tại một số doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất kinh doanh phù hợp.


- Thời gian cho hoạt động ngoại khoá được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá như sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ sáng, 17 giờ đến 18 giờ chiều hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ (qua phương tiện thông tin đại chúng, sinh hoạt tập thể)	- Ngoài giờ học chính khóa - Hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện (đọc sách và tham khảo tài liệu)	- Ngoài giờ học chính khóa - Tất cả ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể do Đoàn Thanh niên tổ chức	Các tối thứ 7, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại	Mỗi kỳ học 1 lần

4. Các chú ý khác

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn, các Cơ sở dạy nghề có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý.

- Có thể sử dụng một số môn học, mô đun đào tạo trong chương trình khung nêu trên để xây dựng chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ trung cấp nghề và cao đẳng nghề.

- Dựa theo chương trình này, khi đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp nghề lên cao đẳng nghề, cần giảng dạy bổ sung những môn học, mô đun trong chương trình trung cấp nghề không đào tạo. 

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục 04



CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ, CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ CHO NGHỀ KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

Ban hành kèm theo Thông tư số 13 / 2015 / TT – BLĐT BXH
ngày 30 / 3 / 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

A - CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: Kế toán ngân hàng

Mã nghề: 40340304

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học bổ sung phần văn hóa Trung học phổ thông theo quy định của bộ Giáo dục và Đào tạo)

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 31

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Hiểu và vận dụng được kiến thức về pháp luật, kinh tế - xã hội, tài chính - tiền tệ, kế toán, kiểm toán, tài chính trong việc thực hiện nghiệp vụ kế toán ngân hàng được giao;

+ Vận dụng được kiến thức tin học trong công tác kế toán;

+ Vận dụng được hệ thống chứng từ, tài khoản và hình thức kế toán vào nghiệp vụ kế toán ngân hàng;

+ Cập nhật được các chính sách phát triển kinh tế và các chế độ về tài chính tiền tệ, kế toán, thuế vào công tác kế toán ngân hàng.

- Kỹ năng:

+ Lập được chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý được chứng từ kế toán trong hoạt động ngân hàng;

+ Thành thạo việc sử dụng chứng từ kế toán trong ghi sổ kế toán tổng hợp và chi tiết;

+ Lập được các báo cáo kế toán, báo cáo tài chính của ngân hàng;

+ Sử dụng được phần mềm chuyên dụng trong việc thực hiện nghiệp vụ kế toán ngân hàng;

+ Tập hợp và cung cấp được thông tin kinh tế về hoạt động thương mại – dịch vụ phục vụ theo yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở ngân hàng.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết về một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước;

+ Có lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và lợi ích của đất nước;

+ Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác;

+ Tuân thủ các qui định của Luật kế toán, tài chính, chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao;

+ Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc;

+ Có ý thức tích cực, chủ động phòng ngừa vừa kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Có đủ sức khoẻ để học tập, công tác lâu dài, sẵn sàng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

+ Hiểu biết một số phương pháp luyện tập và đạt kỹ năng cơ bản một số môn thể dục, thể thao như: Thể dục, Điền kinh, Bóng chuyền;

+ Có hiểu biết cơ bản về công tác quốc phòng toàn dân, dân quân tự vệ;

+ Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quân sự phổ thông cần thiết của người chiến sĩ, vận dụng được trong công tác bảo vệ trật tự trị an;

+ Có ý thức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

- Làm nhân viên kế toán ngân hàng nhà nước, ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng, nhân viên nhân viên quản lý nghiệp vụ kho quỹ ngân hàng, kho bạc, nhân viên marketing ngân hàng.

- Làm việc tại phòng kế toán trong các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội.

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Thời gian học tập: 90 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 324 giờ

(Trong đó thi tốt nghiệp 90 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 1625 giờ; Thời gian học tự chọn: 715 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 566 giờ; Thời gian học thực hành: 1774 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1020 giờ

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<i>I</i>	<i>Các môn học chung</i>	210	107	86	17
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	11	3	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng và An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
<i>II</i>	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề</i>	1625	423	1133	69

II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	300	198	84	18
MH 07	Soạn thảo văn bản	45	27	15	3
MH 08	Luật kinh tế	30	20	8	2
MH 09	Kinh tế vi mô	60	40	17	3
MH 10	Nguyên lý thống kê	45	30	13	2
MH 11	Lý thuyết tài chính tiền tệ	45	31	11	3
MH 12	Nguyên lý kế toán	75	50	20	5
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1.325	225	1.049	51
MĐ 13	Marketing ngân hàng	60	18	39	3
MĐ 14	Thống kê doanh nghiệp	60	30	26	4
MĐ 15	Tài chính doanh nghiệp	75	40	30	5
MĐ 16	Nghiệp vụ kho quỹ	60	18	39	3
MĐ 17	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	90	27	59	4
MĐ 18	Kế toán ngân hàng I	120	30	86	4
MĐ 19	Kế toán ngân hàng II	120	30	86	4
MĐ 20	Kế toán quỹ tín dụng	75	22	49	4
MĐ 21	Thực hành kế toán ngân hàng	215	5	205	5
MĐ 22	Thực tập tốt nghiệp	450	5	430	15
	Tổng cộng	1835	529	1220	86

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho từng môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đào tạo những kiến thức, kỹ năng cần thiết mang tính đặc thù riêng trong từng ngành cụ thể hoặc tính đặc thù của vùng, miền của từng địa phương;

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc lựa chọn một số môn học, mô đun đào tạo

ngành tự chọn được đề nghị trong chương trình khung này để áp dụng cho Cơ sở của mình;

- Việc xác định các môn học, mô đun tự chọn dựa vào các tiêu chí cơ bản:
 - + Đảm bảo mục tiêu đào tạo chung của nghề;
 - + Đáp ứng được nhu cầu cần thiết của từng ngành, từng địa phương (vùng, lãnh thổ) hoặc của từng doanh nghiệp cụ thể;
 - + Đảm bảo thời gian đào tạo theo quy định;
 - + Đảm bảo tỷ lệ thời gian (lý thuyết, thực hành) theo quy định.
- Thời gian đào tạo các môn học, mô đun tự chọn chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30% tổng thời gian học tập các môn học đào tạo nghề. Trong đó thực hành chiếm tỷ lệ từ 70% đến 85% và lý thuyết chiếm tỷ lệ từ 15% đến 30%;
- Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình khung gợi ý các môn học, mô đun tự chọn để các cơ sở dạy nghề tham khảo là 14 môn học, mô đun, chi tiết cụ thể theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 23	Anh văn chuyên ngành	90	27	59	4
MH 24	Kế toán doanh nghiệp	90	27	59	4
MĐ 25	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	45	13	30	2
MĐ 26	Thị trường chứng khoán	60	18	39	3
MĐ 27	Thanh toán quốc tế	60	18	39	3
MĐ 28	Phân tích hoạt động kinh doanh	60	18	39	3
MĐ 29	Tin học ứng dụng	60	18	39	3
MĐ 30	Thuế nhà nước	45	13	30	2
MĐ 31	Kiểm toán căn bản	45	13	30	2
MH 32	Kinh tế phát triển	45	25	17	3
MH 33	Kinh tế quốc tế	45	25	17	3
MH 34	Thị trường ngoại hối	45	13	30	2
MH 35	Quản trị học	45	25	17	3
MĐ 36	Thực tập nghề nghiệp	250	5	235	10

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun tạo nghề tự chọn do Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc có thể tham khảo, điều chỉnh từ các môn học đề nghị trong chương trình khung này trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành nghề hoặc vùng, miền.

- Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình khung gợi ý các Cơ sở dạy nghề có thể tham khảo 9 môn học, mô đun tự chọn ở bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 23	Anh văn chuyên ngành	90	27	59	4
MĐ 24	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	45	13	30	2
MH 25	Thị trường chứng khoán	60	18	39	3
MĐ 26	Thanh toán quốc tế	60	18	39	3
MĐ 27	Phân tích hoạt động kinh doanh	60	18	39	3
MĐ 28	Tin học ứng dụng	60	18	39	3
MĐ 29	Thuế nhà nước	45	13	30	2
MĐ 30	Kiểm toán căn bản	45	13	30	2
MĐ 31	Thực tập nghề nghiệp	250	5	235	10
	Cộng	715	143	540	32

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
2	Văn hoá Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề	Viết Vấn đáp Trắc nghiệm	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và trả lời 20 phút/học sinh) Không quá 60 phút

- Thực hành nghề * Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 4 giờ Không quá 8 giờ
--	--	------------------------------------

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, cơ sở dạy nghề có thể bố trí cho học sinh tham quan, học tập, trực tiếp tại các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng.

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun

4. Các chú ý khác

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn, các Cơ sở dạy nghề có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý.

- Có thể sử dụng một số môn học, mô đun đào tạo trong chương trình khung nêu trên để xây dựng chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ trung cấp nghề và cao đẳng nghề.

- Dựa theo chương trình này, khi đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp nghề lên cao đẳng nghề, cần giảng dạy bổ sung những môn học, mô đun trong chương trình trung cấp nghề không đào tạo./.

www.LuatVietnam.vn

B - CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Kế toán ngân hàng

Mã nghề: 50340304

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 41

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

- + Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế - xã hội, quản trị kinh doanh, tài chính - tiền tệ, kế toán, kiểm toán trong việc thực hiện nghề kế toán ngân hàng;
- + Vận dụng được tin học, ngoại ngữ vào thực hiện nghiệp vụ kế toán ngân hàng;
- + Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản và hình thức kế toán vào thực tiễn;
- + Xác định cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với hoạt động của từng loại hình ngân hàng và các tổ chức tín dụng;
- + Cập nhật các chính sách phát triển kinh tế và các chế độ về tài chính, kế toán, thuế vào công tác kế toán tại các ngân hàng;
- + Phân tích và đánh giá tình hình hoạt động của ngân hàng.

- Kỹ năng:

- + Lập được chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý được chứng từ kế toán trong hoạt động ngân hàng;
- + Sử dụng chứng từ kế toán trong ghi sổ kế toán tổng hợp và chi tiết;
- + Lập được các báo cáo kế toán, báo cáo tài chính của ngân hàng;
- + Tổ chức được công tác kế toán phù hợp với từng loại hình ngân hàng và tổ chức tín dụng;
- + Thiết lập được mối quan hệ với ngân hàng và các tổ chức tín dụng;
- + Sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên dụng trong việc thực hiện nghiệp vụ kế toán ngân hàng;
- + Kiểm tra, đánh giá được công tác kế toán của ngân hàng;
- + Tập hợp và cung cấp được thông tin kinh tế về hoạt động thương mại - dịch vụ phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở ngân hàng;
- + Có khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm hiệu quả;

+ Khả năng tự tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

2. Chính trị và đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết về một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước;

+ Có lòng yêu nước, yêu Chủ nghĩa xã hội, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và lợi ích của đất nước;

+ Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác;

+ Tuân thủ các qui định của luật kế toán, tài chính, chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao;

+ Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc;

+ Có ý thức tích cực, chủ động phòng ngừa vừa kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Có đủ sức khoẻ để học tập, công tác lâu dài, sẵn sàng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

+ Hiểu biết một số phương pháp luyện tập và đạt kỹ năng cơ bản một số môn thể dục, thể thao như: Thể dục, Điền kinh, Bóng chuyền;

+ Có hiểu biết cơ bản về công tác quốc phòng toàn dân, dân quân tự vệ;

+ Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quân sự phổ thông cần thiết của người chiến sĩ, vận dụng được trong công tác bảo vệ trật tự trị an;

+ Có ý thức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

- Làm việc tại phòng kế toán trong các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội.

- Làm nhân viên kế toán ngân hàng nhà nước, ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng và kế toán kho bạc, nhân viên nhân viên quản lý nghiệp vụ kho quỹ ngân hàng, kho bạc, nhân viên marketing ngân hàng.

II. THỜI GIAN CỦA KHOÁ HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 3 năm
- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 450 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp 90 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ
 - + Thời gian học bắt buộc: 2400 giờ; Thời gian học tự chọn: 900 giờ
 - + Thời gian học lý thuyết: 914 giờ; Thời gian học thực hành: 2386 giờ

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO NGHỀ BẮT BUỘC; THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<i>I</i>	<i>Các môn học chung</i>	450	221	199	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	22	6	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng và An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	120	60	50	10
<i>II</i>	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề</i>	2400	582	1713	105
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	435	287	121	27
MH 07	Luật kinh tế	30	25	3	2
MH 08	Soạn thảo văn bản	45	22	20	3
MH 09	Kinh tế vi mô	60	40	17	3
MH 10	Nguyên lý thống kê	45	30	13	2
MH 11	Lý thuyết tài chính tiền tệ	60	40	16	4
MH 12	Nguyên lý kế toán	75	50	20	5

MH 13	Anh văn chuyên ngành	60	40	16	4
MH 14	Kinh tế chính trị	60	40	16	4
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1965	295	1592	78
MH 15	Tài chính doanh nghiệp	120	70	42	8
MH 16	Nghiệp vụ kho quỹ	60	18	39	3
MH 17	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	120	36	79	5
MĐ 18	Kế toán ngân hàng I	120	36	79	5
MĐ 19	Kế toán ngân hàng II	120	36	79	5
MĐ 20	Thực hành kế toán ngân hàng	220	5	205	10
MĐ 21	Thực tập nghề nghiệp	250	5	233	12
MĐ 22	Kế toán quỹ tín dụng	75	22	49	4
MH 23	Thanh toán quốc tế	75	22	49	4
MH 24	Tin học ứng dụng	60	18	39	3
MH 25	Tín dụng ngân hàng	75	22	49	4
MĐ 26	Thực tập tốt nghiệp	670	5	650	15
	Tổng cộng	2850	802	1913	135

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn: thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho từng môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đào tạo những kiến thức, kỹ năng cần thiết mang tính đặc thù riêng trong từng nghề cụ thể hoặc tính đặc thù của vùng, miền của từng địa phương.

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc nêu trong mục III, các cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng hoặc lựa chọn một số môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được đề nghị trong chương trình khung này để áp dụng cho Cơ sở của mình.

- Việc xác định các môn học, mô đun tự chọn dựa vào các tiêu chí như sau:
 - + Đảm bảo mục tiêu đào tạo chung của nghề;
 - + Đáp ứng được nhu cầu cần thiết của từng nghề, từng địa phương hoặc của từng doanh nghiệp cụ thể;
 - + Đảm bảo thời gian đào tạo theo quy định;
 - + Đảm bảo tỷ lệ thời gian (lý thuyết, thực hành) theo quy định.
- Thời gian đào tạo các môn học, mô đun tự chọn chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30% tổng thời gian học tập các môn học, mô đun đào tạo nghề. Trong đó thực hành chiếm tỷ lệ từ 65% đến 85% và lý thuyết chiếm từ 15% đến 35%.
- Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình khung gợi ý các môn học, mô đun tự chọn để các Cơ sở dạy nghề tham khảo là 23 môn học, mô đun như trong bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 27	Kế toán doanh nghiệp	90	27	59	4
MH 28	Marketing ngân hàng	60	18	39	3
MH 29	Quản trị ngân hàng	60	18	39	3
MH 30	Toán kinh tế	60	40	16	4
MH 31	Kinh tế vĩ mô	45	25	17	3
MH 32	Quản trị học	60	40	16	4
MĐ 33	Kế toán kho bạc	75	22	49	4
MĐ 34	Lập và phân tích dự án	60	18	39	3
MĐ 35	Phân tích hoạt động kinh doanh	60	18	39	3
MĐ 36	Kế toán quản trị	60	18	39	3
MĐ 37	Quản lý ngân sách	60	18	39	3
MH 38	Thuế nhà nước	45	13	30	2
MĐ 39	Thị trường chứng khoán	60	18	39	3
MĐ 40	Kế toán thương mại dịch vụ	60	26	30	4
MĐ 41	Kiểm toán căn bản	45	13	30	2
MH 42	Kinh tế quốc tế	45	30	12	3
MH 43	Kinh tế phát triển	45	25	17	3

MĐ 44	Thực hành kế toán đơn vị HCSN	90	0	84	6
MH 45	Thị trường ngoại hối	45	13	30	2
MH 46	Quản trị văn phòng	45	25	17	3
MH 47	Tâm lý học quản trị kinh doanh	45	30	12	3
MH 48	Dự toán ngân sách doanh nghiệp	45	20	22	3
MĐ 49	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	45	13	30	2

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc có thể tham khảo, điều chỉnh từ các môn học, mô đun đề nghị trong chương trình khung này trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành nghề hoặc vùng, miền.

- Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình khung gợi ý các Cơ sở dạy nghề có thể tham khảo 15 môn học, mô đun tự chọn ở bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 27	Kế toán doanh nghiệp	90	27	59	4
MH 28	Marketing ngân hàng	60	18	39	3
MH 29	Quản trị ngân hàng	60	18	39	3
MH 30	Toán kinh tế	60	40	16	4
MH 31	Kinh tế vĩ mô	45	25	17	3
MH 32	Quản trị học	60	40	16	4
MĐ 33	Kế toán kho bạc	75	22	49	4
MĐ 34	Lập và phân tích dự án	60	18	39	3
MĐ 35	Phân tích hoạt động kinh doanh	60	18	39	3
MĐ 36	Kế toán quản trị	60	18	39	3
MĐ 37	Quản lý ngân sách	60	18	39	3
MH 38	Thuế nhà nước	45	13	30	2
MĐ 39	Thị trường chứng khoán	60	18	39	3
MH 40	Kế toán thương mại dịch vụ	60	26	30	4
MĐ 41	Kiểm toán căn bản	45	13	30	2
	TỔNG	900	332	520	48

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

STT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề * Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết và thực hành)	Viết Vấn đáp Trắc nghiệm Bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết với thực hành	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và trả lời 20 phút/ sinh viên) Không quá 60 phút Không quá 4 giờ Không quá 8 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, cơ sở dạy nghề có thể:

- + Tổ chức tham quan một số ngân hàng, doanh nghiệp thương mại;
- + Tổ chức các cuộc thi để sinh viên tham gia và đúc rút kinh nghiệm;

- Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian chính khóa như sau:

STT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ, 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ 7, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại	Mỗi kỳ học 1 lần

4. Các chú ý khác

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn, các Cơ sở dạy nghề có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý.

- Có thể sử dụng một số môn học, mô đun đào tạo trong chương trình khung nêu trên để xây dựng chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ trung cấp nghề và cao đẳng nghề.

- Dựa theo chương trình này, khi đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp nghề lên cao đẳng nghề, cần giảng dạy bổ sung những môn học, mô đun trong chương trình trung cấp nghề không đào tạo./

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục 05



CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ, CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ CHO NGHỀ SẢN XUẤT HÀNG DA, GIÀY

(Ban hành kèm theo Thông tư số **13** /2015/T T- BLDTBXH
ngày **3** tháng **3** năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

A - CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: Sản xuất hàng da, giày

Mã nghề: 40540202

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hoá Trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 31

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về vật liệu may da, giày, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ để thực hiện công việc sản xuất da, giày;

+ Hiểu được các tính chất cơ bản của các loại nguyên phụ liệu: Vải, các phụ liệu dụng, các phụ liệu liên kết;

+ Trình bày được phương pháp thiết kế các sản phẩm da, giày;

+ Nắm được nguyên lý vận hành đảm bảo an toàn, tính năng, tác dụng và bảo quản một số thiết bị cơ bản trên dây chuyền sản xuất da, giày;

+ Hiểu rõ những trách nhiệm và nghĩa vụ về an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ trong sản xuất hàng da, giày.

- Kỹ năng:

+ Sử dụng thành thạo các thiết bị, dụng cụ phụ trợ trên dây chuyền sản xuất da, giày như: Máy cắt, máy may, máy gò, máy lưu hóa;

+ Vận hành thiết bị an toàn và đúng quy trình kỹ thuật;

+ Sản xuất được các chi tiết trên sản phẩm da, giày như ráp mũ giày, ráp lưu hóa, hoàn thiện giày lưu hóa, ráp ép dán (đánh bong, quét keo...);

+ Kiểm tra được sản phẩm đạt yêu cầu chất lượng theo tiêu chuẩn sản xuất da, giày;

+ Làm việc được độc lập trên các công đoạn sản xuất của dây chuyền sản xuất da, giày;

+ Tổ chức thực hiện được công tác an toàn trong lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh công nghiệp trong quá trình sản xuất.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Hiểu biết một số kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của Nhà nước;

+ Hiểu được quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về truyền thống tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt Nam để kế thừa truyền thống và phát triển năng lực trong giai đoạn tới, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Có ý thức, trách nhiệm trong việc phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm chống lãng phí;

+ Yêu nghề có tâm huyết với nghề và tác phong làm việc công nghiệp hóa, hiện đại hóa;

+ Có lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hóa của dân tộc;

+ Luôn có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu của công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Có sức khỏe để tham gia học tập và làm việc trong ngành May;

+ Hiểu biết về phương pháp rèn luyện thể chất để nâng cao sức khỏe, tạo cơ hội phấn đấu và phát triển;

+ Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp Trung cấp nghề Sản xuất hàng da, giày học sinh trực tiếp tham gia sản xuất trên dây chuyền sản xuất hàng da, giày của các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Thời gian học tập: 90 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu : 2550 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 150 giờ
(Trong đó thi tốt nghiệp: 30 giờ)

2. Phân bố thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 1640 giờ; Thời gian học tự chọn: 700 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 725 giờ; Thời gian học thực hành: 1615 giờ

3. Thời gian học văn hoá Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1020 giờ

(Danh mục các môn học văn hoá Trung học phổ thông và phân bố thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong chương trình khung giáo dục Trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải tuân theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO NGHIỆP BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm Tra
I	<i>Các môn học chung</i>	210	107	86	17
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	11	3	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng và An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
II	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề</i>	1640	535	1050	55
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	340	178	147	15

MH 07	Vẽ kỹ thuật	30	14	14	2
MH 08	Nhân trắc học	45	28	15	2
MĐ 09	Cơ sở thiết kế giày	110	45	62	3
MH 10	Vật liệu giày da	30	20	8	2
MH 11	An toàn lao động	60	39	18	3
MĐ 12	Thiết bị sản xuất giày da	75	32	40	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	1290	357	893	40
MĐ 13	Công nghệ sơ chế và hoàn thiện da	120	40	78	2
MĐ 14	Thiết kế phom giày	100	30	65	5
MĐ 15	Thiết kế giày cơ bản	120	45	70	5
MĐ 16	Cắt chặt và chuẩn bị bán thành phẩm	100	35	62	3
MĐ 17	Công nghệ ráp và hoàn thiện mũ giày	150	40	105	5
MĐ 18	Công nghệ gò, ráp đế giày	120	30	85	5
MĐ 19	Hoàn thiện sản phẩm giày	75	30	43	2
MH 20	Quản lý chất lượng sản phẩm giày	45	24	20	1
MĐ 21	Thiết kế công nghệ chuyên sản xuất sản phẩm giày	100	30	67	3
MĐ 22	Quản lý thiết bị chuyên sản xuất sản phẩm giày	45	14	30	1
MĐ 23	Tổ chức và quản lý sản xuất giày	45	14	30	1
MĐ 24	Thực tập sản xuất	120	10	108	2
MĐ 25	Thực tập tốt nghiệp	150	15	130	5
Tổng cộng		1850	641	1137	72

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn: thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bố thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 26	Marketing ngành giày da	60	34	25	1
MĐ 27	Công nghệ thêu, in da	150	35	110	5
MĐ 28	Tiếng Anh chuyên ngành	60	20	36	4
MĐ 29	Thiết kế giày trên máy tính	90	35	52	3
MH 30	Lịch sử và xu hướng thời trang giày	90	56	30	4
MĐ 31	Thiết kế một số kiểu giày mới	200	60	135	5
MĐ 32	Giác sơ đồ trên máy tính	200	60	135	5

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ - BLĐTBXH, ngày 09/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80% dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: Lý thuyết chiếm từ 15% đến 30%, thực hành chiếm từ 70% đến 85%;

+ Các mô đun đào tạo nghề tự chọn được xác định dựa trên kết quả điều tra, khảo sát nghề Sản xuất hàng da, giày ở nhiều doanh nghiệp trong cả nước và xét đến xu thế phát triển nghề trong giai đoạn tới. Để xác định thời gian đào tạo cho các mô đun tự chọn cũng cần phải phân tích công việc qua các phiếu phân tích công việc như đối với các mô đun đào tạo nghề bắt buộc.

- Ví dụ: Có thể chọn trong các môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun tự chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH, M Đ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 26	Marketing ngành da, giày	60	34	25	1
MĐ 28	Tiếng Anh chuyên ngành	60	20	38	2
MĐ 29	Thiết kế giày trên máy tính	90	35	52	3
MH 30	Lịch sử và xu hướng thời trang giày	90	56	30	4
MĐ 31	Thiết kế một số kiểu giày mới	200	60	135	5

MD 32	Giác sơ đồ trên máy tính	200	60	135	5
Tổng cộng		700	265	415	20

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề:		
	- Lý thuyết nghề	Viết Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị, trả lời 20 phút/sinh viên)
	- Thực hành nghề	Trắc nghiệm Bài thi thực hành	Không quá 90 phút Không quá 16 giờ
	* Mô đun tốt nghiệp (tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 16 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khoá (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Quá trình đào tạo cần tổ chức các hoạt động ngoại khoá như văn hoá, văn nghệ, thể thao, tham quan dã ngoại để tăng cường khả năng giao tiếp cho học sinh. Ngoài ra cần trang bị các đầu sách, giáo trình, tạp chí thời trang, máy tính kết nối internet tại thư viện để phục vụ quá trình nghiên cứu các kiến thức chuyên môn và tìm kiếm thông tin nghề nghiệp.

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, các trường nên bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh hàng may mặc phù hợp với nghề đào tạo.

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá.

Số TT	Hoạt động ngoại khoá	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
1	Chính trị đầu khóa	Tập trung	Sau khi nhập học	- Phổ biến các quy chế đào tạo nghề, nội quy của trường và lớp học - Phân lớp, làm quen với giáo viên chủ nhiệm

2	Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, dã ngoại	Cá nhân, nhóm thực hiện hoặc tập thể	Vào các ngày lễ lớn trong năm: Lễ khai giảng năm học mới; Ngày thành lập Đảng, Đoàn; Ngày thành lập trường, lễ kỷ niệm 20-11...	- Nâng cao kỹ năng giao tiếp, khả năng làm việc theo nhóm - Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu nghề, yêu trường
3	Tham quan phòng truyền thống của ngành, của trường	Tập trung	Vào dịp hè, ngày nghỉ trong tuần.	Rèn luyện ý thức, tổ chức, kỷ luật, lòng yêu nghề, yêu trường
4	Tham quan các cơ sở sản xuất	Tập trung nhóm	Cuối năm học thứ 2 hoặc thứ 3; hoặc trong quá trình thực tập.	- Nhận thức đầy đủ về nghề - Tìm kiếm cơ hội việc làm
5	Đọc và tra cứu sách, tài liệu thư viện	Cá nhân	Ngoài thời gian học tập	- Nghiên cứu bổ xung các kiến thức chuyên môn - Tìm kiếm thông tin nghề nghiệp trên Internet

4. Các chú ý khác

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn, các Cơ sở dạy nghề có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý.

- Có thể sử dụng một số môn học, mô đun đào tạo trong chương trình khung nêu trên để xây dựng chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ trung cấp nghề và cao đẳng nghề.

- Dựa theo chương trình này, khi đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp nghề lên cao đẳng nghề, cần giảng dạy bổ sung những môn học, mô đun trong chương trình trung cấp nghề không đào tạo. /

B - CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Sản xuất hàng da, giày

Mã nghề: 50540202

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 32

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Trình bày được các kiến thức cơ bản về vật liệu may, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ để thực hiện công việc sản xuất hàng da, giày;

+ Mô tả được các công đoạn trong dây chuyền sản xuất hàng da, giày;

+ Trình bày được phương pháp thiết kế các sản phẩm giày;

+ Trình bày được các kiến thức về công nghệ sản xuất hàng giày da;

+ Trình bày được phương pháp quản lý các thiết bị trong hoạt động sản xuất hàng giày da;

+ Trình bày được các nguyên tắc đảm bảo an toàn và phòng chống cháy nổ khi sử dụng các thiết bị;

+ Đọc, hiểu được các tài liệu sản xuất hàng giày da bằng tiếng Anh.

- Kỹ năng:

+ Sử dụng thành thạo các thiết bị, dụng cụ phụ trợ trên dây chuyền sản xuất hàng giày da an toàn và đúng quy trình kỹ thuật;

+ Vận hành thiết bị an toàn, phương pháp sản xuất đúng quy trình kỹ thuật và trình bày được nguyên tắc kiểm tra khi thực hiện các công đoạn sản xuất đúng yêu cầu kỹ thuật;

+ Thiết kế được các sản phẩm giày da;

+ Xây dựng và phối hợp thực hiện được quy trình sản xuất giày da;

+ Xây dựng và phối hợp thực hiện được quy trình kiểm tra bán thành phẩm và quy trình cắt chặt trong dây chuyền sản xuất giày da;

+ Xây dựng được quy trình hoàn thiện, đóng hộp sản phẩm;

+ Xác định được năng lực sản xuất, lập kế hoạch, phân tích năng suất để có những phương án điều tiết trong hoạt động sản xuất

- + Quản lý được các thiết bị trong hoạt động sản xuất giấy da;
- + Hoàn thiện và kiểm tra được các chi tiết trên sản phẩm giấy da ;
- + Làm việc độc lập được trên các công đoạn sản xuất của dây chuyền sản xuất giấy da;
- + Thực hiện an toàn trong lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh công nghiệp trong quá trình sản xuất.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết về một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

+ Yêu nước, trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Có hiểu biết về công tác pháp chống tham nhũng;

+ Yêu nghề, có kỹ năng lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh, phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hoá dân tộc và địa phương;

+ Có ý thức học tập và rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công việc.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Có ý thức rèn luyện thân thể bảo đảm sức khoẻ học tập và làm việc;

+ Có kiến thức và kỹ năng về quân sự phổ thông, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quốc phòng toàn dân.

3. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp cao đẳng nghề Sản xuất hàng da, giấy sinh viên có thể tham gia sản xuất và thiết kế sản phẩm giấy thời trang tại các Doanh nghiệp trong và ngoài nước như:

+ Các doanh nghiệp sản xuất giấy da công nghiệp;

+ Các viện sản xuất hàng da, giấy thời trang (Là chuyên viên nghiên cứu và làm nhiệm vụ tư vấn về xu hướng thời trang mới).

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 3 năm

- Thời gian học tập: 131 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu : 3750 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 300 giờ
(Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 2450 giờ; Thời gian học tự chọn: 850 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 981 giờ; Thời gian học thực hành: 2319 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO NGHỀ BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm Tra
I	<i>Các môn học chung</i>	450	221	199	30
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	22	6	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng và An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
II	<i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề</i>	2450	650	1714	86
II.1	<i>Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở</i>	350	178	157	15
MH 07	Vẽ kỹ thuật	30	14	14	2
MH 08	Nhân trắc học	45	25	18	2
MĐ 09	Cơ sở thiết kế giấy	120	40	75	5
MH 10	Vật liệu giấy da	45	25	18	2
MH 11	An toàn lao động	75	45	28	2
MĐ 12	Thiết bị sản xuất giấy da	90	30	56	4
MH 13	Marketing ngành giấy da	45	25	18	2
II.2	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn nghề</i>	2000	446	1487	67
MĐ 14	Công nghệ sơ chế và hoàn thiện da	180	35	140	5
MĐ 15	Công nghệ nhuộm, in da	120	40	75	5
MĐ 16	Thiết kế phom giấy	120	40	75	5

MĐ 17	Thiết kế giày cơ bản	160	30	125	5
MĐ 18	Tiếng Anh chuyên ngành	60	20	36	4
MĐ 19	Thiết kế giày trên máy tính	90	20	66	4
MĐ 20	Cắt chặt và chuẩn bị bán thành phẩm giày	120	30	85	5
MĐ 21	Công nghệ ráp và hoàn thiện mũ giày	180	35	140	5
MĐ 22	Công nghệ gò, ráp đế giày	180	35	140	5
MĐ 23	Hoàn thiện sản phẩm giày	90	20	66	4
MĐ 24	Quản lý chất lượng sản phẩm giày	60	40	18	2
MĐ 25	Thiết kế công nghệ chuyên sản xuất sản phẩm giày	120	26	90	4
MĐ 26	Quản lý thiết bị chuyên sản xuất sản phẩm giày	60	20	38	2
MĐ 27	Điều độ và quản lý sản xuất giày	60	20	38	2
MĐ 28	Thực tập sản xuất	200	15	180	5
MĐ 29	Thực tập tốt nghiệp	200	20	175	5
Tổng cộng		2900	870	1914	116

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC (Có nội dung chi tiết kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn: thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bố thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm Tra
MĐ 30	Ứng dụng đồ họa trong thiết kế da, giày	180	35	140	5
MĐ 31	Thí nghiệm đánh giá vật liệu giày	220	60	156	4
MĐ 32	Chi phí giá thành sản phẩm da, giày	120	40	75	5
MĐ 33	Thiết kế và phát triển thương hiệu ngành da, giày	180	60	115	5

MH 34	Lịch sử và xu hướng thời trang giày	120	75	40	5
MĐ 35	Design mẫu giày	210	60	145	5

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ - BLĐTBXH, ngày 09/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80% dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: Lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%, thực hành chiếm từ 65% đến 75%;

+ Các mô đun đào tạo nghề tự chọn được xác định dựa trên kết quả điều tra, khảo sát nghề Sản xuất hàng giày da ở nhiều doanh nghiệp trong cả nước và xét đến xu thế phát triển nghề trong giai đoạn tới. Để xác định thời gian đào tạo cho các mô đun tự chọn cũng cần phải phân tích công việc qua các phiếu phân tích công việc như đối với các mô đun đào tạo nghề bắt buộc.

- Ví dụ: Có thể chọn trong các môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun tự chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm Tra
MĐ 31	Thí nghiệm vật liệu giày	220	60	156	4
MĐ 32	Chi phí giá thành sản phẩm da, giày	120	40	75	5
MĐ 33	Thiết kế và phát triển thương hiệu ngành da, giày	180	60	115	5
MH 34	Lịch sử và xu hướng thời trang giày	120	75	40	5
MĐ 35	Thiết kế mẫu giày	210	60	145	5
Tổng cộng		850	295	531	24

(Có nội dung chi tiết kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị.	Viết	Không quá 120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề:		
	- Lý thuyết nghề	Viết Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị, trả lời 20 phút/sinh viên)
	- Thực hành nghề	Trắc nghiệm Bài thi thực hành	Không quá 90 phút Không quá 16 giờ
	*Mô đun tốt nghiệp (tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 16 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoài khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường có thể bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo.

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá:

Số TT	Hoạt động ngoài khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
1	Chính trị đầu khóa	Tập trung	Sau khi nhập học	Phổ biến các qui chế đào tạo nghề, nội qui của trường và lớp học
2	Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, dã ngoại	Cá nhân, nhóm hoặc tập thể thực hiện	Vào các ngày lễ lớn trong năm: - Lễ khai giảng năm học mới; - Ngày thành lập Đảng, đoàn; - Ngày thành lập trường, lễ kỷ niệm 20-11. . .	- Nâng cao kỹ năng giao tiếp, khả năng làm việc nhóm; - Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu nghề, yêu trường;

3	Tham quan phòng truyền thống của ngành, của trường	Tập trung	Vào dịp hè, ngày nghỉ trong tuần	Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu nghề, yêu trường
4	Tham quan các cơ sở sản xuất, viện một và kinh doanh thời trang.	Tập trung, nhóm	- Cuối năm học thứ 2 hoặc thứ 3 - Hoặc trong quá trình thực tập	- Nhận thức đầy đủ về nghề; - Tìm kiếm cơ hội việc làm
5	Đọc và tra cứu sách, tài liệu tại thư viện	Cá nhân	Ngoài thời gian học tập	- Nghiên cứu bổ sung các kiến thức chuyên môn; - Tìm kiếm thông tin nghề nghiệp trên Internet.

4. Các chú ý khác

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn, các Cơ sở dạy nghề có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý.

- Có thể sử dụng một số môn học, mô đun đào tạo trong chương trình khung nêu trên để xây dựng chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ trung cấp nghề và cao đẳng nghề.

- Dựa theo chương trình này, khi đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp nghề lên cao đẳng nghề, cần giảng dạy bổ sung những môn học, mô đun trong chương trình trung cấp nghề không đào tạo. /